

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/DS-ST

Ngày: 30 - 8 - 2023

V/v: Tranh chấp Hợp đồng sử
dụng thẻ tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Di
2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long
Diền.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện L tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị H – Kiểm
sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà
Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
105/2023/TLST – DS ngày 25 tháng 5 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số 60/2023/QĐXXST – DS ngày 31 tháng 7 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa
41/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (S1)

Địa chỉ: Số B - B N, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Nguyệt K- Chuyên viên Kiểm soát rủi ro
Chi nhánh B1 (Theo văn bản ủy quyền số 160/GUQ-CNBR ngày 18/5/2023) (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh K1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: F, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của người đại diện Ngân hàng
TMCP S tại Tòa án:***

Ngày 26/8/2022, ông Huỳnh Thanh K1 ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,77%/tháng (lãi suất trong hạn).

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông K1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 56.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng của Ngân hàng, số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ trực tiếp vào các khoản giao dịch. Cụ thể số tiền ông K1 còn nợ đến ngày 15/3/2023 được tính như sau: $\text{Dư nợ ngày 15/3/2023} = \text{Số tiền giao dịch} - (\text{Số tiền thanh toán} - \text{P, lãi})$. Trong đó: Số tiền giao dịch 56.000.000 đồng; số tiền thanh toán 10.000.000 đồng; tổng các khoản phí 1.879.716 đồng; tổng tiền lãi 8.468.754 đồng. Như vậy dư nợ đến ngày 15/3/2023 = $56.000.000đ - (10.000.000đ - 1.879.716đ - 8.468.754đ) = 56.348.470$ đồng.

Tuy nhiên qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông K1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông K1 vi phạm hợp đồng 90 ngày không thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 15/3/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ ông K1 còn thiếu tại thời điểm này số tiền 56.348.470 đồng sang nợ quá hạn (Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 56.348.470 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng là 4,15%/tháng trên số tiền nợ quá hạn này (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tạm tính đến ngày 30/8/2023, ông K1 còn nợ Ngân hàng số tiền 69.362.780 đồng; trong đó: Nợ gốc: 56.348.470 đồng, lãi quá hạn là: 13.014.310 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Thanh K1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi còn nợ phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/8/2022 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/8/2023) là **69.362.780 đồng** (trong đó nợ gốc 56.348.470 đồng, lãi quá hạn là 13.014.310 đồng). Và ông K1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/8/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Thời hạn thanh toán trả một lần ngay.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Thanh K1: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông K1 không có mặt, không có bản tự khai gửi Tòa án, vì vậy không có lời khai của ông K1.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông K1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền **69.362.780 đồng** (trong đó nợ gốc **56.348.470 đồng**, lãi quá hạn là **13.014.310 đồng**). Và ông K1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/8/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng thành phần, tư cách của những người tham gia tố tụng, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng, buộc bị đơn ông Huỳnh Thanh K1 phải trả lại cho nguyên đơn số tiền **69.362.780 đồng** (trong đó nợ gốc **56.348.470 đồng**, lãi quá hạn là **13.014.310 đồng**). Và ông K1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/8/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Huỳnh Thanh K1 trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*”; bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bị đơn ông Huỳnh Thanh K1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông Huỳnh Thanh K1 thanh toán số tiền nợ gốc **56.348.470 đồng**:*

Ngày 26/8/2022, ông Huỳnh Thanh K1 có ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, mức lãi suất được áp dụng là mức lãi suất thỏa thuận giữa đơn vị phát hành thẻ và chủ thẻ. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, căn cứ bản tóm tắt sao kê các giao dịch qua số thẻ 970403-7195 của ông Huỳnh Thanh K1 từ ngày 15/9/2022 đến ngày 15/12/2022

thể hiện ông T đã thực hiện giao dịch số tiền 56.000.000 đồng. Ông K1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 24 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Cụ thể: Phí trễ hạn 1.634.408 đồng; Phí vượt hạn mức là 245.308 đồng; Phí 0 đồng; Lãi 10.728.724 đồng.

Ngày 15/3/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Vì vậy số tiền nợ gốc ông K1 còn nợ Ngân hàng là 56.348.470 đồng. Ông K1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu buộc ông K1 phải thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu là phù hợp với quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã giao kết và quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Do đó, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông K1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/8/2022 là **56.348.470 đồng**.

[2.2] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông Huỳnh Thanh K1 thanh toán tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 15/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/8/2023) số tiền **13.014.310 đồng**:

Ông K1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh tính trên dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã giao kết và quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Theo thỏa thuận quy định trong hợp đồng thì mức lãi suất nợ quá hạn tính bằng 150% lãi trong hạn, do đó mức lãi suất nợ hạn của thẻ tín dụng là 4,15%/tháng (2,77%/tháng x 150%).

Số tiền lãi quá hạn tạm tính trên dư nợ gốc ông K1 phải trả từ ngày 15/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/8/2023 là:

$$[(56.348.470 \text{ đồng} \times 4,15\%/\text{tháng}) : 30 \text{ ngày}] \times 167 \text{ ngày} = \mathbf{13.014.310 \text{ đồng}}$$

[2.3] Do đó tổng số tiền gốc và lãi mà ông K1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/8/2023 là: **69.362.780 đồng** (Sáu mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi hai ngàn, bảy trăm tám mươi đồng). Ông K1 có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 31/8/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông K1 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính trên giá trị tranh chấp là **69.362.780 đồng**.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Huỳnh Thanh K1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc và lãi quá hạn của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/8/2022 tính đến ngày 30/8/2023 là **69.362.780 đồng (Sáu mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi hai ngàn, bảy trăm tám mươi đồng)**, trong đó: Nợ gốc là **56.348.470 đồng**, lãi quá hạn là **13.014.310 đồng**.

Ông Huỳnh Thanh K1 có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng đã giao kết tính trên dư nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/8/2023) cho đến khi trả dứt nợ vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Huỳnh Thanh K1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **3.468.000 đồng** (Ba triệu, bốn trăm sáu mươi tám ngàn đồng)

- Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí, trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền **1.465.211 đồng** (Một triệu, bốn trăm sáu mươi lăm ngàn, hai trăm mười một đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001747 ngày 24/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/8/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện Long Điền;
- THADS huyện Long Điền;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒ**
(đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Bình

